

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/9/2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Đ kết hôn với nhau vào ngày 10/02/2017, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga L cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Anh Đ sống không có trách nhiệm lo toan, chăm sóc gia đình. Tháng 10 năm 2017, chị đã trở về nhà mẹ đẻ ở thôn Hưng Đ, xã Nga T để sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, anh Đ và chị không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Đ theo quy định.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Không Minh T, sinh ngày 08/6/2018. Sau ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu T, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Không Minh Đ, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Anh Đ nhận đầy đủ các văn bản nhưng cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Đ vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Mặc dù anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Đ theo quy định của pháp luật; về con chị đề nghị được nuôi cháu T và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng là 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng; về tài sản chị không yêu cầu giải quyết. Đối với bị đơn anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Khổng Minh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống chung vợ chồng không có tiếng nói chung. Tháng 10/2017, chị đã trở về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng cũng chính thức sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không thể duy trì, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Đ theo quy định. Đối với anh Đ mặc dù biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh cố tình vắng mặt, không thể hiện quan điểm. Chứng tỏ anh Đ không có thiện chí để níu kéo tình cảm vợ chồng trở về đoàn tụ.

Xét cuộc sống chung của chị T và anh Đ đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn anh Đ là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Khổng Minh T, sinh ngày 08/6/2018. Sau ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu T và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/tháng.

Xét đề nghị xin được nuôi con yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung của chị T là chính đáng. Do cháu T còn nhỏ, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự chăm sóc cháu, nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng chị đề nghị là 2.500.000 đồng/tháng. Bởi lẽ, theo chị T trình bày anh Đ là lao động tự do, mức thu nhập của anh Đ khoảng 4.000.000đ đến 5.000.000đ/tháng, nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức thu nhập của anh Đ. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của cháu T, buộc anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu đồng) là hoàn toàn phù hợp thực tế.

[3] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Anh Khổng Minh Đ phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn của chị Phạm Thị T, cho chị T được ly hôn anh Không Minh Đ.

2. Về con: Giao cháu Không Minh T, sinh ngày 08/6/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Không Minh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.000.000 (Một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0005948 ngày 20/9/2019 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Không Minh Đ phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự

Bản án này là sơ thẩm. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

